

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-PT

Ngày: 21-02-2020.

V/v tranh chấp hợp đồng hợp
tác

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyền; ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 91/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Hoàng V, sinh năm 1980, cư trú tại: Khu phố 1, Phường 4, thành phố A, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thái T, sinh năm 1987, cư trú tại: Khu phố 4, Phường 2, thành phố A, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị Nguyệt T1, sinh năm 1969, cư trú tại: Ấp G, xã B, thành phố A, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Anh Lê Hải Đ, sinh năm 1982, cư trú tại: Khu phố 3, Phường 3, thành phố A, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Ông Lâm Văn N, sinh năm 1966, cư trú tại: Ấp G1, xã Đ1, huyện C, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị Mộng K, sinh năm 1984; anh Trần Thanh T2, sinh năm 1981. Cùng cư trú tại: Khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Đinh Hoàng V là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Hoàng V trình bày:

Anh và anh Nguyễn Thái T, anh Lê Hải Đ, bà Lê Thị Nguyệt T1 thỏa thuận cùng nhau hợp tác làm ăn. Hình thức là hùn vốn mua xe để vận chuyển thuê hàng hóa, thu lợi nhuận và chia tỉ lệ theo phần trăm vốn góp, thỏa thuận số tiền mỗi người góp như sau: Anh 50.000.000 đồng; anh Đ 200.000.000 đồng; anh T 200.000.000 đồng; bà T1 100.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ có anh và anh T góp như thỏa thuận, bà T1 chỉ góp 62.450.000 đồng, anh Đ không góp. Số tiền góp được đã mua một chiếc xe tải hiệu Hyundai, biển số 70C- 11490 của vợ chồng chị Vũ Thị Mộng K, anh Trần Thanh T2 với giá 240.000.000 đồng, chưa sang tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

Cả bốn người (V, T, Đ, T1) thống nhất là anh T, anh Đ, bà T1 quản lý điều hành xe; quản lý thu, chi. Tính từ khi xe hoạt động đến ngày 02-4-2018 các bên tổng kết phân chia lợi nhuận thì anh chỉ nhận được 02 lần tiền, gồm: Ngày 05-7-2018 nhận tiền mặt 2.300.000 đồng; ngày 06-7-2018 chuyển khoản 1.000.000 đồng, sau đó chia tiếp cho anh 2.900.000 đồng không nhớ ngày tháng.

Vì lợi nhuận thấp, bà T1 không trung thực trong việc góp vốn nên anh yêu cầu được rút vốn kể từ tháng 4 năm 2018 nhưng ba người còn lại không trả lại tiền vốn góp cho anh cũng không chia lợi nhuận tiếp theo mặc dù xe vẫn hoạt động bình thường.

Vào ngày 04-11-2018, cả bốn người thống nhất bán xe với giá 109.000.000 đồng, giao cho anh bán giá cao hơn nhưng khi bán phải có sự đồng ý của bốn người.

Vào ngày 08-11-2018, bà T1 đưa một người đến mua xe với giá 109.000.000 đồng, nhưng bốn người không thống nhất nên thỏa thuận lại là anh sẽ mua xe với giá 110.000.000 đồng nếu ba người còn lại không mua.

Xe do bà T1 quản lý, anh yêu cầu giao ra để anh mua nhưng không giao, sau này mới biết anh Đ đã bán xe cho ông Lâm Văn N với giá 109.000.000 đồng, không báo cho anh biết cũng không chia tiền.

Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu chấm dứt việc hợp tác, yêu cầu mua lại xe với giá 110.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 04-11-2018, trừ 50.000.000 đồng tiền anh góp vốn và tiền lãi từ ngày 02-4-2018 (ngày thống nhất bán xe), số tiền còn lại bao nhiêu anh sẽ trả để anh Đ, anh T, bà T1 chia với nhau.

Bị đơn anh Nguyễn Thái T trình bày:

Lúc đầu mua xe chỉ có anh và anh Đ mỗi người góp 200.000.000 đồng mua một chiếc xe ô tô tải hiệu Hyundai, biển số 70C-11490 với giá 240.000.000 đồng, dùng xe chở mía thuê.

Xe hoạt động được một thời gian thì anh Đ nói với anh là bà T1 góp 100.000.000 đồng, anh V góp 50.000.000 đồng, cả bốn người thống nhất mua thêm một chiếc xe cuốc giá 230.000.000 đồng để bốc chuyên hàng hóa, thuê hai người tài xế, anh quản lý việc thu, chi; giao cho bà T1 điều hành xe.

Do làm ăn không có lãi, xe hư nhiều nên đã bán xe cuốc với giá 170.000.000 đồng và chia lợi nhuận theo giấy thỏa thuận ngày 02-4-2018, sau đó bà T1 tiếp tục quản lý xe. Giữa bà T1 và anh V phát sinh mâu thuẫn nên giao xe cho anh quản lý, anh dùng xe chở hàng nhưng không có lãi vì xe hư, bốn người thống nhất bán xe.

Anh V, anh Đ muốn mua lại xe nhưng không thống nhất giá nên giao xe cho anh V bán với điều kiện phải có sự thống nhất của bốn người về giá bán, sau đó vẫn không bán được nên vào ngày 09-11-2018 bốn người thống nhất ký giấy thỏa thuận giao xe cho anh Đ bán và anh Đ đã bán với giá 109.000.000 đồng, giao tiền cho bà T1 giữ.

Anh V không đồng ý việc anh Đ bán xe nên anh Đ chấp nhận tính giá xe là 180.000.000 đồng.

Anh yêu cầu chấm dứt việc hợp tác nhưng không chấp nhận chia phần hùn theo yêu cầu của anh V, chỉ chấp nhận chia sau khi trừ các khoản tiền mà anh V đã nhận và với điều kiện cả anh Đ và bà T1 đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Hải Đ trình bày:

Việc hợp tác làm ăn góp vốn mua xe tải là đúng, anh và anh T mỗi người góp 200.000.000 đồng, bà T1 góp 100.000.000 đồng, anh V góp 50.000.000 đồng, mua một xe cuốc và một xe tải giá 550.000.000 đồng.

Do làm ăn không có lãi nên cả bốn người chia lợi nhuận và bán xe như anh T trình bày, anh đã bán xe giá 109.000.000 đồng, anh V quy giá 180.000.000 đồng anh chấp nhận.

Anh V yêu cầu mua lại xe anh không chấp nhận vì xe đã bán, chỉ chấp nhận chia theo tỉ lệ vốn góp đối với số tiền 180.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Nguyệt T1 trình bày:

Việc hợp tác mua xe và việc thanh toán lợi nhuận đúng như anh T và anh Đ trình bày, tiền bán xe chỉ có 109.000.000 đồng bà đang giữ, bà chấp nhận chia phần cho anh V theo tỉ lệ vốn góp trong số tiền 180.000.000 đồng như anh Đ và anh V trình bày.

Ngoài ra bà còn bỏ ra 50.000.000 đồng sửa xe, bà yêu cầu thanh toán trước khi chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Mộng K và anh Trần Thanh T2 vắng mặt, có văn bản trình bày: Có bán cho anh T một chiếc xe ô tô

tải hiệu Hyundai biển số 70C- 11490 với giá 240.000.000 đồng. Đã nhận đủ tiền và giao xe, tuy chưa sang tên nhưng việc mua bán đã xong không còn liên quan nên không tranh chấp, không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn N vắng mặt, có văn bản trình bày:

Ông có mua của anh Lê Hải Đ một chiếc xe ô tô tải hiệu Hyundai, biển số 70C- 11490 với giá 109.000.000 đồng. Khi mua, xe đã hư đang để ở garage, lúc đó ông chỉ biết có hai người hùn là anh T và anh Đ, sửa xe xong mang về nhà thì anh V điện thoại nói đến nhà để xem và chuộc lại xe, ông cho anh V thời hạn 10 ngày nhưng không chuộc nên ngày 10-11-2018 ông và anh Đ làm giấy tờ mua bán.

Ông đã sửa xe với số tiền 57.000.000 đồng, nếu anh V chuộc lại xe ông cho chuộc với giá 109.000.000 đồng và trả cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền sửa xe.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 91/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Hoàng V.

Anh Đinh Hoàng V được chia số tiền vốn góp 16.380.000 (mười sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Thái T, anh Lê Hải Đ mỗi người được chia số tiền vốn góp 37.048.000 (ba mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Bà Lê Thị Nguyệt T1 được chia số tiền vốn góp 18.524.000 (mười tám triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu nhận lại xe ô-tô biển số 70C-11490 và yêu cầu tính tiền lãi của anh Đinh Hoàng V.

Bà Lê Thị Nguyệt T1 có nghĩa vụ giao lại cho anh Đinh Hoàng V, anh Nguyễn Thái T, anh Lê Hải Đ số tiền mỗi người được chia nêu trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 12 năm 2019, anh Đinh Hoàng V kháng cáo, yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh V và anh Đ đã thỏa thuận được với nhau như sau:

Chấm dứt hợp đồng hợp tác mua xe ô-tô tải kinh doanh vận chuyển hàng hóa giữa anh Nguyễn Thái T, anh Lê Hải Đ, anh Đinh Hoàng V, bà Lê Thị Nguyệt T1.

Thống nhất việc anh Lê Hải Đ đã bán xe cho ông Lâm Văn N với giá 109.000.000 đồng, tiền bán xe bà T1 đang giữ.

Chia 109.000.000 đồng tiền bán xe cho các thành viên góp vốn mua xe, cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Thái T 37.048.000 (ba mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Anh Lê Hải Đ 37.048.000 (ba mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Anh Đinh Hoàng V 16.380.000 (mười sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

Bà Lê Thị Nguyệt T1 18.524.000 (mười tám triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

Bà T1 có nghĩa vụ giao cho anh V, anh Đ, anh T số tiền họ được chia như đã nêu trên.

Anh Lê Hải Đ tự nguyện giao cho anh Đinh Hoàng V số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của anh V và anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Anh Nguyễn Thái T, bà Lê Thị Nguyệt T1, ông Lâm Văn N, chị Vũ Thị Mộng K, anh Trần Thanh T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đinh Hoàng V và anh Lê Hải Đ đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của anh V và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án và của người khác nên Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của anh Đinh Hoàng V và anh Lê Hải Đ tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của anh Đinh Hoàng V và anh Lê Hải Đ tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Lâm Văn N, chị Vũ Thị Mộng K, anh Trần Thanh T2 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, họ không tranh chấp, không yêu cầu gì và cũng không

phải thực hiện nghĩa vụ gì nhưng bản án sơ thẩm không ghi nhận là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung cho đủ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Đinh Hoàng V, anh Nguyễn Thái T, anh Lê Hải Đ, bà Lê Thị Nguyệt T1 phải chịu theo quy định tại khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tương ứng với 5% số tiền được chia, cụ thể là: Anh Đinh Hoàng V phải chịu 819.000 đồng; anh Nguyễn Thái T phải chịu 1.852.400 đồng; anh Lê Hải Đ phải chịu 1.852.400 đồng; bà Lê Thị Nguyệt T1 phải chịu 926.200 đồng.

Bản án sơ thẩm ghi anh Nguyễn Thái T, anh Lê Hải Đ chịu 1.852.400 đồng là không đúng nên phải sửa.

[6] Về án phí phúc thẩm: Anh Đinh Hoàng V phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 91/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Tây Ninh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Đinh Hoàng V và anh Lê Hải Đ tại phiên tòa phúc thẩm. Sự thỏa thuận cụ thể như sau:

- Chấm dứt Hợp đồng hợp tác mua xe ô-tô tải kinh doanh vận chuyển hàng hóa giữa anh Nguyễn Thái T, anh Lê Hải Đ, anh Đinh Hoàng V, bà Lê Thị Nguyệt T1.

- Thống nhất việc anh Lê Hải Đ đã bán xe cho ông Lâm Văn N với giá 109.000.000 đồng, tiền bán xe bà T1 đang giữ.

- Chia 109.000.000 đồng tiền bán xe cho các thành viên góp vốn mua xe, cụ thể là:

+ Anh Nguyễn Thái T 37.048.000 (ba mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

+ Anh Lê Hải Đ 37.048.000 (ba mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

+ Anh Đinh Hoàng V 16.380.000 (mười sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

+ Bà Lê Thị Nguyệt T1 18.524.000 (mười tám triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

- Bà Lê Thị Nguyệt T1 có nghĩa vụ giao cho anh Đinh Hoàng V, anh Lê Hải Đ, anh Nguyễn Thái T số tiền mà họ được chia như đã nêu trên.

- Anh Lê Hải Đ giao cho anh Đinh Hoàng V số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa giao đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Ghi nhận ông Lâm Văn N, chị Vũ Thị Mộng K, anh Trần Thanh T2 không tranh chấp, không yêu cầu gì và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ gì trong vụ án.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Đinh Hoàng V phải chịu 819.000 đồng, được trừ vào 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0006521 ngày 21-01-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho anh Đinh Hoàng V 431.000 (bốn trăm ba mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006521.

- Anh Nguyễn Thái T phải chịu 1.852.400 (một triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm) đồng.

- Anh Lê Hải Đ phải chịu 1.852.400 (một triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm) đồng.

- Bà Lê Thị Nguyệt T1 phải chịu 926.200 (chín trăm, hai mươi sáu nghìn, hai trăm) đồng.

5. Về án phí phúc thẩm: Anh Đinh Hoàng V phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0002008 ngày 05-12-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND thành phố A;
- Chi cục THADS thành phố A;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Đồng